

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công DA

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị Lê Kim L, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Đường L, thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: 85 đường T, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Lê Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 11/04/2017. Việc kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống ở nhiều nơi, đến đầu năm 2021 chuyển về sống tại số 85 đường T, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân từ cuối 2021 đến nay, bà L và hai con về Bình Thuận sinh sống.

Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn A.

Về nuôi con chung: Bà L xác nhận bà và ông A có 02 con chung tên Lê Vũ Anh T, sinh ngày 28/11/2018 và Lê Vũ Cát T, sinh ngày 12/7/2017. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn A:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông A không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của ông A.

Tại phiên tòa:

Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Ông A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông A vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tra tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Vũ Thị Lê Kim L yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Văn A nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông A có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà L và ông A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 11/04/2017. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống ở nhiều nơi, đến đầu năm 2021 chuyển về sống tại số 85 đường T, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân từ cuối 2021 đến nay, bà L và hai con về Bình Thuận sinh sống. Tại Tòa bà L xác định không còn tình cảm với ông A nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà L và ông A chuyển về sinh sống tại số 85 đường T, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu từ đầu năm 2021. Tuy nhiên quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà L và hai con đã chuyển đi từ cuối năm 2021 cho đến nay.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân ông A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông A là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông A.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà L và ông A có 02 con chung tên Lê Vũ Anh T,

sinh ngày 28/11/2018 và Lê Vũ Cát T, sinh ngày 12/7/2017. Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Từ khi hai vợ chồng ly thân cuối năm 2021 cho đến nay, hai cháu ở với mẹ tại Bình Thuận, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt, tâm lý, học tập của cháu. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu Lê Vũ Anh T và Lê Vũ Cát T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị Lê Kim L ly hôn ông Lê Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Vũ Anh T, sinh ngày 28/11/2018 và Lê Vũ Cát T, sinh ngày 12/7/2017 cho bà Vũ Thị Lê Kim L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ

chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008930, ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã T, TX L, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Phạm Thị Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công DA

Nguyễn Thị Thủy

Phạm Thị Bình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- UBND xã Tân Phước, TX LaGi, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Thị Bình**

